

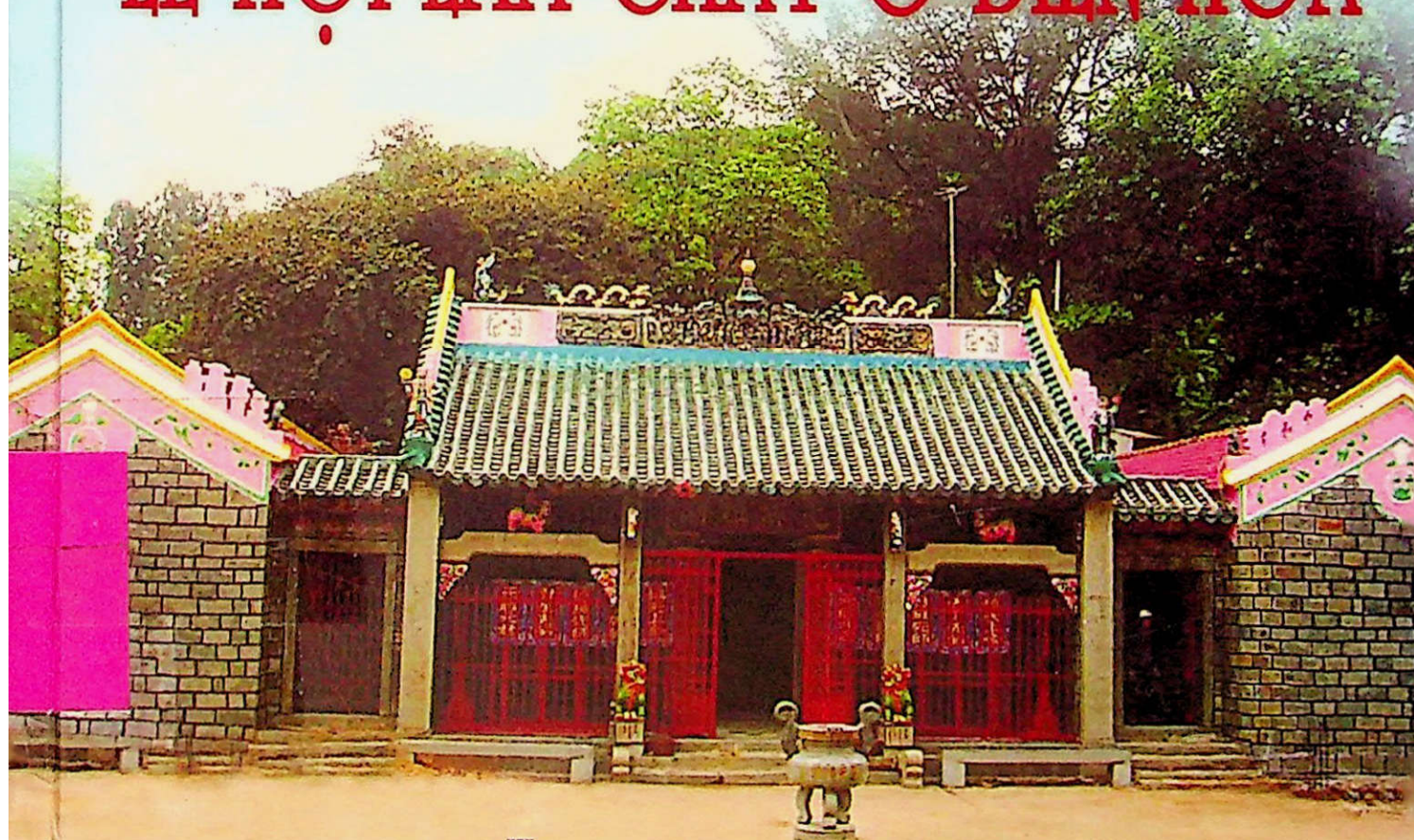
NGUYỄN THỊ NGUYỆT

394.269 597 75

ĐC

M 309 TH

MIẾU THỜ VÀ LỄ HỘI LÀM CHAY Ở BIÊN HÒA



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

MIẾU THỜ
VÀ LỄ HỘI LÀM CHAY
Ở BIÊN HÒA

394.269536 75

1130211

NGUYỄN THỊ NGUYỆT

MIẾU THỜ VÀ LỄ HỘI LÀM CHAY Ở BIÊN HÒA

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

2016/BC/VV,

1130

LỜI TỰA

Mười lăm năm trước, khi được tham gia khảo sát và biên soạn công trình sơ khảo Cơ sở tín ngưỡng và lễ hội dân gian của người Hoa ở Đồng Nai, tôi và các đồng nghiệp bắt đầu cuộc vật lộn với “chiến dịch” đi khảo sát các đình, đền, miếu, nghĩa từ của người Hoa ở khắp địa bàn trong tỉnh.

Ngược lại vài năm trước đó, tôi cũng đã được phân công sưu tầm di sản văn hóa vật thể người Hoa. Vậy là, qua hai đợt được giao nhiệm vụ nghiên cứu về người Hoa, tạm gọi là vậy, tôi đã có điều kiện tiếp xúc tìm hiểu về văn hóa của tộc người thiểu số có dân số đông thứ hai chỉ sau người Việt ở địa phương.

Tuy nhiên, phải đến khi tôi bắt tay vào thực hiện Luận văn Cao học lựa chọn đề tài về lễ hội người Hoa, thực sự lúc bấy giờ, tôi mới có những gắn bó, tìm tòi nhiều về một lễ hội, chính là lễ hội Làm Chay ở Biên Hòa. Quá trình tìm hiểu lễ hội này, giúp tôi làm quen được nhiều người Hoa vốn dĩ thân thiện, mến khách và nhiệt tình trong việc cung cấp tài liệu có liên quan đến lễ hội mà tôi đang nghiên cứu.

Đến khi vào cuộc, lễ hội ở miếu Tổ Sư đã làm tôi ngạc nhiên đến thích thú vì những sự biến đổi của tên gọi miếu, nguồn gốc, nội dung của lễ hội... Phải nói, tất cả những điều đó đã thu hút tôi tìm gặp những người có thể giúp tôi giải đáp những thắc mắc này. Đặc biệt, việc “đeo bám” và tìm đến nhà của vị Đạo trưởng ở mõi quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, pháp sư Đạo giáo đã chủ trì nhiều lễ hội đáo lệ từ sau năm 1975 đến nay để hỏi tới nơi những tên gọi, nội dung, ý nghĩa của từng nghi thức của lễ Làm Chay khá độc đáo trong kho tàng văn hóa phi vật thể của cư dân ở Biên Hòa.

Cuốn sách **“Miếu thờ và lễ hội Làm Chay ở Biên Hòa”** là tổng hợp những tư liệu thực tế mà tôi đã bỏ công nghiên cứu trong nhiều năm, hoàn thành Luận văn Cao học và nay tiếp tục nghiên cứu trong công trình làm Luận án Tiến sĩ.

Tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến Hội đồng Xuất bản của tỉnh, cảm ơn Nhà xuất bản Đồng Nai đã tạo điều kiện để cuốn sách được ra mắt bạn đọc.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song chắc chắn cuốn sách sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, tác giả mong nhận được sự góp ý chân tình, quý báu của quý độc giả để giúp cho công trình được hoàn thiện hơn.

TÁC GIẢ

CHƯƠNG I

KHÁI QUÁT VỀ NGƯỜI HOA Ở BIÊN HÒA

Người Hoa được gọi bằng nhiều tên khác nhau như: người Hoa, người Hán, người Việt gốc Hoa, Hoa kiều, người Khách, người Minh Hương, hay người Hoa Nùng (?)... Theo danh mục thành phần dân tộc Việt Nam, cần thống nhất tên gọi là người Hoa (Hán). Người Hoa gồm 5 nhóm ngôn ngữ gốc Hán bao gồm: Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hẹ và Hải Nam.

Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XX, những người Hoa từ Trung Quốc di cư đến Nam bộ (Việt Nam) thành hai nhóm. Nhóm thứ nhất đã vào sinh sống tại miền Nam khoảng hơn 310 năm từ thời Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch, Mạc Cửu. Nhóm thứ hai mới vào miền Nam từ đầu thế kỷ XX khi Việt Nam còn là thuộc địa của Pháp.

Thời nhà Nguyễn ban hành qui chế thành lập các bang Hoa kiều, người Hoa sinh sống ở Việt Nam có tất cả là bảy bang: Quảng Triệu (còn gọi là bang Quảng Đông), Hẹ, Triều

Châu, Phước Kiến, Phước Châu, Hải Nam và Quỳnh Châu. Trụ sở của bảy bang thường được gọi là “Thất Phủ công sở” hoặc “Thất Phủ hội quán”. Tháng Giêng năm 1885, thực dân Pháp chiếm Nam kỳ, ra lệnh sáp nhập bang Phước Châu vào trong bang Phước Kiến; sáp nhập bang Quỳnh Châu vào trong bang Hải Nam. Vì vậy, ngày nay, người Hoa ở Việt Nam bao gồm năm nhóm phương ngữ và được gọi theo bang hoặc quê quán như: Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu, Hẹ (Sùng Chính) và Hải Nam.

I. QUÁ TRÌNH NHẬP CƯ CỦA NGƯỜI HOA TRÊN ĐẤT BIÊN HÒA

Lịch sử di dân của người Hoa vào vùng đất Biên Hòa bắt đầu từ cuối thế kỷ XVII cho đến giữa thế kỷ XX. Khởi đầu là cuộc nhập cư xin thần phục Nam Triều năm 1679 của đoàn tướng binh di thần nhà Minh Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch đem theo 3.000 người đi trên 50 chiếc thuyền vào đất Đại Việt sau đó định cư tại Bàn Lân (Biên Hòa). Trần Thượng Xuyên (tức Trần Thắng Tài) nguyên là Tổng binh trấn thủ các châu Cao, Lô, Liêm và phó tướng là Trần An Bình cùng với tướng Dương Ngạn Địch, nguyên là Tổng binh trấn thủ các địa phương thủy lục ở Long Môn tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) cùng với phó tướng là Hoàng Tấn. Đây là nhóm người Hán trung thành với nhà Minh, không chịu thần phục nhà Mãn Thanh nên đã nổi dậy phát

cờ “bài Mãn, phục Minh” nhưng bất thành nên trốn chạy xuống phía Nam xin nhập cư vào đất Đại Việt.

Nhóm người Hoa do Trần Thượng Xuyên dẫn đầu đến định cư ở Biên Hòa bao gồm những binh lính, thương nhân và một số quý tộc phong kiến cùng gia quyến của họ. Họ thuộc nhóm người Hoa gốc Hải Nam, Phước Kiến, Triều Châu, Hẹ và Quảng Đông. Số người Hoa ở Bàn Lân là một bộ phận trong số 3.000 người Hoa di tản sang Việt Nam vào năm 1679.

Từ thế kỷ VXII đến năm 1949, nhiều nhóm người Hoa thuộc các bang Hải Nam, Triều Châu, Quảng Đông rải rác di cư sang Việt Nam, số đông định cư tại Nam kỳ, tổ chức xã hội theo từng bang. Họ là những thương nhân buôn bán và làm các nghề thủ công truyền thống đến lập nghiệp tập trung tại các thị tứ, thị trấn ở Sài Gòn và các tỉnh trong đó có tỉnh Biên Hòa xưa. Năm 1936, do ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế, nhiều Hoa kiều ở Nam kỳ xin hồi hương về Trung Quốc.

Ngày 28 tháng 2 năm 1948, chính phủ Pháp và chính quyền Tưởng Giới Thạch ký thỏa ước Trùng Khánh dành cho Hoa kiều quy chế tối huệ quốc. Ở Việt Nam, Cao ủy Pháp lập lại Sở Tân Đáo, truyền lệnh cho các tỉnh thực hiện việc thu thuế và cấp thẻ lương niên đối với Hoa kiều. Đến tháng 8

năm 1948, các bang của người Hoa được cải tổ thành Lý sự hội Trung Hoa.

Trong giai đoạn này, số người Hoa đến Biên Hòa sinh sống và cư trú ở các địa bàn: Phước Thiện (huyện Nhơn Trạch), thị trấn Long Thành, vùng Bến Gỗ (trước thuộc huyện Long Thành nay thuộc thành phố Biên Hòa), địa bàn Bến Cá (huyện Vĩnh Cửu), thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa. Về sau, do ảnh hưởng điều kiện kinh tế, xã hội, nhóm người Hoa này sinh sống tập trung nhất tại thành phố Biên Hòa và một bộ phận ở thị xã Long Khánh.

Có thể nhận diện cộng đồng người Hoa ở Biên Hòa đến sớm nhất gồm nhóm người Hoa chủ yếu người Quảng Đông theo Trần Thượng Xuyên đến Cù lao Phố năm 1679, sau đó rải rác nhiều nhóm Hoa thuộc các bang Triều Châu, Phước Kiến, Sùng Chính (còn gọi là Hẹ), Hải Nam đến Đồng Nai từ thế kỷ XVII đến năm 1949 tập trung ở đô thị, thị tứ, thị trấn để buôn bán. Sự có mặt của cộng đồng người Hoa bên cạnh người Việt đã góp phần tạo nên diện mạo phong phú cả về kinh tế và văn hóa ở địa phương suốt hơn ba thế kỷ qua.

II. ĐỊA BÀN CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI HOA Ở BIÊN HÒA

Thành phố Biên Hòa nằm ở phía tây của tỉnh Đồng Nai, bắc giáp huyện Vĩnh Cửu, nam giáp huyện Long Thành, đông giáp huyện Trảng Bom, tây giáp huyện Dĩ An, Tân

Uyên tỉnh Bình Dương và Quận 9 – Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Biên Hòa nằm hai bên bờ sông Đồng Nai, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh 30km, cách thành phố Vũng Tàu 90km.

Thành phố Biên Hòa hiện có 30 phường, xã với 23 phường là: Trung Dũng, Thanh Bình, Hòa Bình, Tam Hòa, Tân Mai, Tam Hiệp, Quang Vinh, Quyết Thắng, Bình Đa, Tân Tiến, Tân Hòa, Hố Nai, Thống Nhất, Tân Biên, Tân Hiệp, Bửu Hòa, Tân Vạn, An Bình, Bửu Long, Long Bình Tân, Tân Phong, Trảng Dài, Long Bình; và 7 xã: Tân Hạnh, Hiệp Hòa, Hóa An, An Hòa, Long Hưng, Phước Tân và Tam Phước.

Thành phố Biên Hòa là đô thị loại II, trung tâm kinh tế - xã hội quan trọng của tỉnh Đồng Nai, là đầu mối giao lưu đa dạng của vùng Đông Nam bộ, đồng thời giữ vị trí an ninh quốc phòng trọng yếu của vùng Đông Nam bộ.

Thành phố Biên Hòa có tổng diện tích tự nhiên là 264,08km², dân số thành phố khoảng 1 triệu người, mật độ dân số là số 3.788 người/km² (năm 2013). Hiện nay, thành phố Biên Hòa là thành phố thuộc tỉnh có dân số cao nhất nước Việt Nam.

Thành phố Biên Hòa có 5 khu công nghiệp được Chính phủ phê duyệt gồm: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Khu công nghiệp Amata, Khu

công nghiệp Long Bình (Loteco), khu công nghiệp Tam Phước đã đi vào hoạt động với cơ sở hạ tầng được xây dựng đồng bộ. Bên cạnh ngành công nghiệp hiện đại, hiện thành phố vẫn còn một vài cụm công nghiệp truyền thống, thủ công mỹ nghệ như: cụm công nghiệp gốm sứ Tân Hạnh; vùng thủ công mỹ nghệ đá Bửu Long; vùng sản xuất gốm Tân Vạn, Bửu Long, Hiệp Hòa; cụm công nghiệp gỗ Tân Hòa (Hố Nai).

Biên Hòa là vùng đất có bề dày lịch sử khai phá hơn 310 năm, với người Việt từ các tỉnh miền Trung và miền Bắc đến khai phá lập nghiệp cùng với sự du nhập của người Hoa từ Trung Quốc sang, hình thành nên những khu vực dân cư khá sớm ở Nam bộ như: Bàn Lân, Bến Cá, Bến Gỗ, Cù lao Phố... Nơi đây cũng là địa bàn cư trú của các dân tộc bản địa: Chơro, Mạ, Stiêng, Chăm...

Hiện nay, Biên Hòa cũng là nơi tập trung nhiều thành phần dân tộc thiểu số như: Hoa, Tày, Khmer, Dao, Thái, Mường, Nùng, Chơro, Gia Rai, Mạ, Thổ, Sán Chay, Sán Dìu, Stiêng, Chăm, Êđê, Giáy... với tổng số 11.462 người, trong đó người Hoa chiếm khoảng 66,2% các dân tộc thiểu số ở Biên Hòa.

Người Hoa ở Biên Hòa tập trung theo nhóm phương ngữ và thời điểm di cư. Các nhóm Quảng Đông ở khu vực

phường Thanh Bình, Bửu Hòa và Tân Vạn. Nhóm Triều Châu ở phường Bửu Hòa và phường Hòa Bình. Nhóm Phúc Kiến ở một số phường thuộc trung tâm thành phố Biên Hòa hay khu vực chợ Biên Hòa như phường Hòa Bình, Thanh Bình, Quang Vinh... Người Hoa bang Hẹ sống tập trung ở phường Bửu Long chuyên làm nghề đục đá và điêu khắc đá xanh. Người Hải Nam còn rất ít nên sáp nhập vào bang Hẹ (Sùng Chính) ở Biên Hòa. Người Hoa từ Móng Cái, Quảng Ninh di cư vào sau năm 1954 (tác giả gọi là người Hoa Quảng Ninh) thì định cư ở hai khu vực phường Tân Phong và Bình Đa. Số còn lại sống rải rác ở hầu hết 30 phường, xã của thành phố Biên Hòa.

Theo thống kê của Ủy ban Nhân dân thành phố Biên Hòa (ngày 30/9/2011) thì tổng số người Hoa là 7.588 người chiếm khoảng 0,96% dân số của thành phố Biên Hòa, phân bố tại các phường, xã như sau:

Biểu thống kê dân số người Hoa ở thành phố Biên Hòa (30/9/2011)

STT	Đơn vị hành chính	Tổng số người Hoa		Ghi chú (Thời gian định cư)
		Số hộ	Số khẩu	
1	Phường Tân Phong	283	1.630	Sau năm 1954
2	Phường Quang Vinh	123	802	Đầu thế kỷ XX
3	Phường Thanh Bình	169	792	Đầu thế kỷ XX
4	Phường Bình Đa	122	648	Sau năm 1954

Nguyễn Thị Nguyệt

STT	Đơn vị hành chính	Tổng số người Hoa		Ghi chú (Thời gian định cư)
		Số hộ	Số khẩu	
5	Phường Tân Vạn	90	514	Thế kỷ XIX- XX
6	Phường Hòa Bình	104	512	Đầu thế kỷ XX
7	Phường Bửu Long	160	429	Thế kỷ XVIII-XIX
8	Phường Bửu Hòa	96	392	Thế kỷ XIX- XX
9	Phường Quyết Thắng	70	293	Thế kỷ XX
10	Phường Trung Dũng	66	278	Thế kỷ XX
11	Phường Tân Tiến	28	198	Thế kỷ XX
12	Phường An Bình	47	177	Sau năm 1954
13	Xã Phước Tân	36	135	Thế kỷ XX
14	Phường Trảng Dài	28	106	Sau năm 1954
15	Phường Long Bình	22	97	Sau năm 1975
16	Phường Tam Hòa	22	94	Sau năm 1954
17	Phường Thống Nhất	23	76	Thế kỷ XX
18	Xã Hóa An	22	71	Thế kỷ XIX-XX
19	Phường Tam Hiệp	21	70	Sau năm 1954
20	Xã Hiệp Hòa	26	67	Thế kỷ XVII
21	Xã An Hòa	13	57	Thế kỷ XIX-XX
22	Phường Long Bình Tân	15	51	Sau năm 1975
23	Phường Tân Mai	13	31	Sau năm 1954
24	Xã Tam Phước	7	30	Sau năm 1954
25	Phường Hồ Nai	2	14	Sau năm 1975
26	Xã Tân Hạnh	3	12	Thế kỷ XX
27	Phường Tân Hòa	2	10	Sau năm 1975
28	Phường Tân Hiệp	2	2	Sau năm 1975
	Tổng số	1.615 hộ	7.588 người	

(Nguyễn Thị Nguyệt lập biểu)

Theo thống kê, thành phố Biên Hòa có hai địa bàn không có người Hoa cư trú, đó là phường Tân Biên và xã Long Hưng.

Đa phần, người Hoa ở Biên Hòa sống tập trung theo cộng đồng, hình thành những dãy phố người Hoa với kiến trúc nhà ở, phong tục tập quán, sinh hoạt tiêu biểu. Đặc biệt, nhiều hội quán và các cơ sở tín ngưỡng dân gian phục vụ đời sống tinh thần của người Hoa trên quê hương mới.

Những dãy phố người Hoa ở mặt tiền đường những tuyến phố chính như: Hưng Đạo Vương, Quốc lộ 1, Phan Đình Phùng, Hà Huy Giáp, Cách mạng Tháng Tám, Quang Trung, Huỳnh Văn Lũy, Huỳnh Văn Nghệ. Những khu xóm người Hoa ở trong chợ như: chợ Biên Hòa, chợ Tân Phong (chợ Phúc Hải), chợ Tam Hòa, chợ Bình Đa, chợ Bửu Hòa (chợ Đồn)...

Đặc điểm dễ nhận biết nơi có người Hoa cư trú là trước nhà ở hay tiệm buôn bán của người Hoa đều có dán giấy đỏ in chữ Hán nhũ vàng trên cửa. Các bảng hiệu buôn bán thường là song ngữ Hán - Việt. Trong nhà bao giờ cũng có các bàn thờ Tổ tiên, Thần độ mạng, Quan Âm, Quan Công hoặc Thần Tài ở phòng khách; gian bếp thờ Định Phước Táo quân....

Người Hoa ở Biên Hòa tiêu biểu cho người Hoa ở toàn tỉnh, hội đủ các đặc điểm về lịch sử, kinh tế, phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian và lễ hội. Có thể nói, cộng đồng người Hoa ở Biên Hòa là bộ phận rất quan trọng, chủ yếu của người Hoa ở Đồng Nai với nhiều đặc trưng văn hóa cần được nghiên cứu và bảo tồn.

III. NGƯỜI HẠ TRONG CỘNG NGƯỜI HOA Ở BIÊN HÒA

Trong số các nhóm người Hoa ở Biên Hòa, người Hạ sống tập trung ở một khu vực, hình thành nên nghề thủ công khá tiêu biểu có liên quan đến sự hình thành cơ sở tín ngưỡng và sinh hoạt tín ngưỡng dân gian ở vùng đất này.

Người Hạ còn gọi là Khách Gia hay Hakka (các gia đình người khách), là một tộc người Hán có Tổ tiên gốc gác ở khu vực các tỉnh Hà Nam và Sơn Tây ở miền Bắc Trung Quốc. Hiện nay người Hạ tập trung ở các vùng miền Nam Trung Quốc như tỉnh Quảng Đông, tây Phúc Kiến, Giang Tây, nam Hồ Nam, Quảng Tây, nam Quý Châu, đông nam Tứ Xuyên, các đảo Hải Nam và Đài Loan.

Người Hạ được cho là có nguồn gốc từ nhóm người Hán vùng Lạc Dương, Khai Phong (Hà Nam, thuộc vùng Hoàng Hà) di cư thành nhiều đợt liên tục xuống phía Nam từ thế kỷ IV- XIX nhằm tránh những cuộc chiến tranh tàn khốc ở quê nhà. Đợt di dân thứ nhất vào thời Đông Tấn đến Nam Bắc

Triều (317-589), điểm đến vào khoảng hạ lưu Dương Tử. Đợt thứ hai vào thời cuối Đường - Bắc Tống (880-1126), dưới tác động của cuộc khởi nghĩa Hoàng Sào, họ tiếp tục thiên di về phía Nam đến nam An Huy, Giang Tây, tây nam Phúc Kiến... Đợt thứ ba tiến hành vào thời Nam Tống đến cuối Minh (1127-1644), họ lại vượt Ngũ Lĩnh đổ về vùng Mai Châu, Long Xuyên, Huệ Dương (Bắc Quảng Đông) và định cư tại đây. Đợt thứ tư xảy ra vào đầu thời Thanh (1644-1795), người Khách Gia chia làm ba ngã di dân, một ngã đi sang Quảng Tây, một ngã sang Tứ Xuyên, một ngã vượt biển ra hải ngoại. Đợt thứ năm xảy ra vào thời điểm Chiến tranh Nha phiến (1840-1842), dưới tác động của phong trào Thái Bình Thiên Quốc (1851-1864) và sự kiện Chiến tranh Punti-Hakka (Bản địa - Khách gia, 1855-1867), một bộ phận Khách Gia chạy ra nước ngoài, xuống vùng bán đảo Lôi Châu, tây nam Quảng Tây và đảo Hải Nam. Mỗi đợt di dân là một lần sóng gió, người Họ đã trải qua nhiều gian truân, đói khổ. Đi đến đâu cũng chỉ làm “khách”, và vì thế nên mới gọi Khách Gia. Trong quá trình di cư, họ đã hòa trộn dòng máu với nhiều sắc dân bản địa như người Ngô Việt, Mân Việt (hai thị tộc thuộc Bách Việt cổ vùng hạ lưu Dương Tử - vịnh Hàng Châu (Ngô Việt) và Phúc Kiến (Mân Việt), Miêu Man (tiền dân nhóm Mèo-Dao) các vùng Dương Tử, Giang Tây, Phúc Kiến



và Lương Quảng. Người Khách Gia coi thành phố Mai Châu (bắc Quảng Đông) là thủ phủ của mình¹.

Số người Hẹ di cư đến Nam bộ Việt Nam và định cư ở Biên Hòa có lẽ vào đầu thời Thanh (1644-1795). Thời kỳ khai phá, người Hẹ cùng chung sức với các nhóm Hoa khác sống tập trung ở Cù lao Phố- Biên Hòa tạo thành bảy phủ và xây dựng nên Thất Phủ vô miếu, tức chùa Ông ngày nay. Thất phủ bao gồm: Tuyên Châu, Chương Châu, Mai Châu, Triệu Khánh, Quảng Châu, Quỳnh Châu, Triều Châu. Trong đó, nhóm Mai Châu (bao gồm Mai Huyện, Đại Bô, Huệ Dương..) tự nhận là nhóm Sùng Chính, tức nhóm Hoa Hẹ. Ở nghĩa trang người Hoa ở xã Hóa An, Biên Hòa, bia mộ người Hẹ thường ghi nguyên quán Hạc Sơn, Hưng Ninh, Đông Quán, Huệ Dương, Đông Bảo, Mai Huyện, Đại Bộ...)¹.

Từ đợt người Hoa đầu tiên di cư đến Nam bộ vào cuối thế kỷ XVII (1679) đến nay đã trên 310 năm. Do người Hẹ Bửu Long là người Hẹ vùng núi có nghề thủ công cổ truyền là điêu khắc đá nên định cư ở Cù lao Phố một thời gian thì họ di chuyển đến sinh sống ở khu vực Bửu Long - nơi có nguồn nguyên liệu đá xanh dồi dào, chất lượng tốt, dễ khai

¹ Nguyễn Ngọc Thơ (2013), Bản sắc và hội nhập: "*Nội sư ngoại thánh*", truy cập trên website: khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/...

Xem Nguyễn Ngọc Thơ (2013).

thác, phù hợp với nghề truyền thống từ chính quốc. Còn người Hẹ miền xuôi thì xuôi vùng Tiền Giang, miền Tây làm nghề thuốc bắc¹. Khi dựng các miếu thờ của người Hoa ở Nam bộ trước đây đều có sản phẩm đá của người Hẹ Bửu Long, đặc biệt là miếu Tổ Sư thờ Tổ nghề thủ công (sau đổi tên thành Thiên Hậu cổ miếu) và miếu Quan Đế (1684), còn gọi là Thất Phủ cổ miếu ở Cù lao Phố ở Biên Hòa đều có dấu ấn của người Hẹ về việc đóng góp nguyên liệu đá cũng như nhân lực thiết kế, điêu khắc và xây dựng.

Người Hẹ Biên Hòa trước đây định cư ở ba khu vực là núi Bửu Long (ấp Bình Điện), ấp Tân Thành và bên ấp Bình Trị (xã Hóa An) cũng có miếu Tổ Sư gần chỗ làm đá. Trước đây ở bên Bình Trị có mỏ đá lớn, người Hẹ tập trung ở đó một thời gian, sau mới dời qua bên này. Đời ông sơ của gia đình ông Trương Nguyên hồi đầu cũng định cư ở ấp Bình Trị bên kia sông Đồng Nai, sau này ông nội qua Bửu Long cất phố ở. Trước đây vùng Bửu Long rất ít người Hoa vì là đất của Đốc Phủ Võ Hà Thanh. Đội lân Liên Thắng đường là việc sát nhập ba đội lân của ba nhóm Hoa bang Hẹ trước kia ở Bình Trị, Tân Thành và Bửu Long thành một đội nay phục vụ cho miếu Tổ Sư và bang Hẹ - Sùng Chính Biên Hòa.

¹ Theo lời ông Trương Nguyên.

Người Hoa Hẹ ở Biên Hòa hiện nay sống tập trung tại hai khu vực: núi Bửu Long và chợ Biên Hòa. Cả hai nhóm Hẹ sinh hoạt trong một bang (trước kia) nay gọi là Hội người Hẹ- Sùng Chính. Khu vực Bửu Long là người Hẹ, còn khu vực chợ Biên Hòa là người Sùng Chính. Phường Bửu Long có khoảng 50% dân số hiện nay là người Hẹ, tập trung hai khu phố 4 và khu phố 5. Hiện tại họ đều nói tiếng Việt, chỉ một số người lớn tuổi nói được tiếng Hẹ, một số ít có thể nói tiếng Bắc Kinh và tiếng Quảng Đông. Các dòng họ tiêu biểu của người Hẹ là: Trương, Lý, Huỳnh, Đặng, Cổ, Bạch, Ngụy, Thái, Giang...

Người Hoa bang Hẹ sống cộng cư xen lẫn người Việt, do vậy có sự kết hôn giữa người Hoa và người Việt ở địa phương. Họ Hứa là một trong những họ tộc lớn của người Hẹ ở Bình Điện (Bửu Long) làm thợ đá, lấy vợ Việt cho đến đời thứ 10 thì kể như Việt hóa, tuy nhiên lớp hậu duệ con cháu vẫn luôn ý thức giữ gìn nguồn cội và tự nhận mình là người gốc Hoa¹. Những người Hoa bang Hẹ vẫn còn nhớ địa danh Trảng Lai là nơi định cư ban đầu của mình ở vùng Bình Điện (Bửu Long).

¹ Lương Văn Lựu (1972), *300 năm người Việt gốc Hoa*, bản thảo đánh máy, trang 13.

IV. MỘT SỐ LỄ TẾT CỦA NGƯỜI HỌ Ở BIÊN HÒA

Ngoài những lễ vía thần linh, trong năm, người Hoa bang Họ có nhiều lễ tết (tiết) tính theo thời gian Âm lịch. Trải qua lịch sử, nhiều tập tục và lễ tiết của người Hoa đã trở thành phong tục tập quán tốt đẹp, trở thành bản sắc văn hóa. Tuy nhiên, khi định cư ở Việt Nam, thì một số lễ tục hầu như không còn phù hợp nên dần bị mai một. Ngược lại, trong chừng mực nào đó, thì những lễ tục này có sự biến đổi và đôi khi ảnh hưởng của sự giao lưu văn hóa với cộng đồng người Việt ở địa phương.

1. Tết Nguyên đán

Năm hết tết đến, người Hoa bang Họ cũng giống như người Việt đón mừng năm mới theo Âm lịch. Chuẩn bị đón tết, cuối năm các gia đình người Hoa dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ, sơn phết, dán giấy đỏ có chữ nhũ vàng hoặc vẽ bùa chú, hình cọp... để trấn uế tà ma, tẩy trừ xui xẻo trong năm mới. Những câu liên đối được dán trong nhà với những câu thành ngữ chúc tụng như: “Xuất gia bình an” (dán trước cửa), “Cung chúc tân niên”, “Kim ngọc mãn đường”, “Khai trương hồng phát” (đối với những gia đình buôn bán).

Từ trưa ngày 30 tháng Chạp, người Hoa làm mâm cơm cúng rước ông bà về ăn tết với gia đình. Lễ vật cúng gồm có: mứt thèo lèo, trái cây, thịt kho tàu, gà luộc, bánh tổ, bánh

bông lan, dưa hấu, quýt, măng cầu, chuối sứ (hương), thơm, đu đủ, sung. Mâm cúng của người Hẹ là gà trống thiến luộc, Lạp xưởng, canh củ cải khô nấu nước luộc gà, vịt phơi khô hấp, món cải trắng ngâm muối phơi khô nấu với xương heo hoặc xào với cá lóc, thịt heo tẩm gia vị phơi khô hoặc thịt vịt phơi khô xào với khoai tây. Mâm cúng được đặt ở giữa nhà hoặc đặt trên thờ Tổ tiên. Trưa 30 Tết, cũng là bữa cơm đoàn viên (đoàn niên) con cháu làm ăn xa đều trở về tụ họp đông đủ để đón mừng năm mới.

Đúng 12 đêm là giờ khắc đón giao thừa tiễn biệt năm cũ và đón chào năm mới. Từ thời điểm đón giao thừa cho tới sáng mừng một Tết gia chủ chọn người hợp tuổi để xông đất, xông nhà với ý nghĩa “thần khí đông lai” (linh khí đến từ hướng đông). Người đến xông đất bước vào nhà với những lời chúc cho gia chủ như: “Nhứt kiến phát tài”, “Thần tài đáo gia”... sau đó thắp nhang trên bàn thờ trong nhà. Gia chủ mời người xông đất uống trà sau đó lì xì bao giấy màu đỏ. Ngược lại, người xông đất cũng lì xì lại cho những trẻ nhỏ của gia chủ.

Tại cơ sở tín ngưỡng, đêm giao thừa người ta đến lễ chùa, miếu cầu thần phù hộ may mắn cho gia đình trong năm mới, sau đó nhận những phần lộc của chùa, miếu như bao giấy đỏ lì xì, trái quýt. Người ta cũng có thể hái những cành lộc tại chùa, miếu đem về nhà.

Ngày mừng 1 Tết là ngày đầu tiên của năm mới, người Hoa bang Hẹ tổ chức ăn tết Nguyên đán. Mâm lễ vật cúng ngày mừng 1 là mâm cúng chay gồm có: mì xào, tàu hũ ki chiên, nấm mèo, bún tàu, đậu xào. Ngày tết người Hoa còn làm các loại bánh tổ (bột nếp + đường bỏ vào xửng hấp chín) phơi khô có thể để đến tháng sau, bánh mè (bột mì gạo lặn mè chiên) hình tròn trên viết chữ Hán bằng thân sa màu đỏ như: “Đại cát”, “Phúc”, “Chiêu tài tấn bửu”, “Thọ”. Bánh chữ “Chiêu tài tấn bửu” cúng trước bàn thờ Tài Bạch Tinh quân (thần Tài). Sau khi thắp nhang cúng ông bà cha mẹ, bàn thờ tổ tiên, người Hoa chúc mừng năm mới, mừng tuổi mới. Con cháu mừng tuổi ông bà, cha mẹ chúc tuổi cho con cháu mau lớn, học hành giỏi dang. Nếu là người già thì con cháu chúc như: “Sống lâu trăm tuổi”, “Sức khỏe dồi dào”; nếu cha mẹ khoảng trên 50 tuổi thì chúc “Niên niên thuận lợi”. Ngày tết người Hoa có tục lì xì phong bao màu đỏ cho trẻ nhỏ để lấy hên, lấy lộc đầu năm.

Ngày mừng 2 Tết người Hẹ cúng mặn với lễ vật là gà luộc, cải khô xào thịt heo, nếu khá giả thì cúng heo quay (những món này đã được chế biến từ ngày 30 Tết). Người Hẹ có món gà ướp muối hấp cách thủy.

Người Hoa có tục lệ mừng 1 chúc tết bên nội, mừng 2 chúc tết bên ngoại, mừng 3 chúc tết thầy cô, mừng 4 chúc tết bạn bè. Trong những ngày đầu năm, người Hoa còn tới

chùa, miếu để cầu xin thần, phật phù hộ cho bản thân và gia đình một năm mới với nhiều điều tốt đẹp...

2. Tết Nguyên tiêu

Dịp tết Nguyên tiêu, người Hoa bang Hẹ treo cặp đèn lồng trước nhà và trước miếu. Trên mỗi cặp đèn của đều có ghi họ của chủ nhà như “Trương phủ” (họ Trương), “Huỳnh phủ” (họ Huỳnh), “Lý phủ” (họ Lý)... Những chiếc đèn này treo trong khoảng một tháng. Các gia đình người Hoa cúng chay gồm hương, đăng, trà, quả. (Ngày 16 tháng giêng cúng cô hồn với mía khúc, cháo trắng, đường tán, giấy tiền vàng bạc ở bàn thờ ngoài sân nhà).

Vào ngày này, tại Thiên Hậu cổ miếu, người ta treo đèn lồng, trang trí giấy đỏ tạo nên một không khí lễ hội rất tưng bừng và đẹp mắt. Từ sáng sớm, các Ban trị sự miếu Hoa chuẩn bị những mâm lễ vật đem đến cúng Tổ Sư, bà Thiên Hậu và Quan Công. Lễ vật cúng rằm tháng giêng là những mâm heo quay, vịt quay, trái cây, nhang đèn... Sau khi Ban trị sự làm lễ cúng xong, bà con người Hoa bắt đầu lũ lượt đến lễ thần. Họ đến miếu thắp nhang, cầu xin thần thánh phù hộ, phước sương cúng dường. Đặc biệt vào dịp tết Nguyên tiêu, người Hoa còn đặt những khoanh nhang vòng cầu an, người ta ghi những chữ như: “Vạn sự như ý”, “Hiệp gia bình an”, “Nhất bốn vạn lợi” (nếu làm ăn buôn bán), “Tứ quý

hung long”, “Công thành danh toại” (sự nghiệp), “Đông thành tây trụ” cùng tên người phụng cúng và treo lên khoanh nhang vòng. Nhang khoanh đốt vào tháng giêng để cầu an (có người cúng để giải hạn). Những khoanh nhang vòng cháy ròn rã suốt cả tháng mới tàn. Ngoài sân miếu, người ta bày bán những động vật phóng sinh như chim, cá, rùa... Tết Nguyên tiêu, người Hoa mua động vật phóng sinh với ý nghĩa làm phước để được phước lộc trong cả năm mới.

3. Tết Thanh minh

Vào tiết Thanh Minh, khoảng giữa đến cuối tháng ba Âm lịch, người Hoa thường tổ chức cho gia đình ra nghĩa trang dọn dẹp, sửa sang mồ mả ông bà cha mẹ. Sơn phết lại những chữ Hán trên các bia mộ, dọn cỏ, đắp lại mộ hoặc đắp cỏ xanh tươi trên mộ cho những người thân đã khuất. Sau đó, người ta bày những lễ vật lên mộ để cúng vái vong hồn người đã khuất. Trước kia người Hẹ có tục tế dê và heo sống ở trên núi có mả Tổ (mộ người Hẹ đầu tiên qua Bửu Long). Tất cả những phần mộ trong gia đình, dòng họ được người thân đến cúng viếng đầy đủ. Người Hẹ thì có tục đặt một tờ giấy súc có rưới máu gà tươi dẫn bởi một trái quýt để làm dấu. Nếu trong gia đình có nhiều con cháu mà tất cả đều đến cúng mộ thì được xem là gia đình có phúc, con cháu về đầy đủ viếng mộ ông bà cha mẹ vào dịp này.

Trước đây, người Hoa bang Hẹ ở Bửu Long có ba dòng họ lớn là: Trương, Lý, Huỳnh xưa kia đều có các nhà thờ họ (từ đường). Ngày nay, các nhà thờ họ đều không còn, do vậy vào dịp tiết Thanh minh người Hoa ra cúng tại Bá Công từ trước miếu Bà Thánh, xem như miếu Tổ của cộng đồng.

4. Tết Đoan ngọ

Ngày mừng 5 tháng 5 Âm lịch hàng năm là ngày tết Đoan ngọ, tết nửa năm. Đây là thời gian nóng nhất trong năm, do vậy thường dễ sinh ra nhiều bệnh tật. Vào dịp này buổi trưa, trước đây người Hoa ở Đồng Nai thường lên núi Bửu Long hái các loại lá cây có mùi thơm như: sả, lá bưởi, lá quýt, lá cam, trắc bá diệp, khuynh diệp... đem về một nửa bày ra bàn cúng trước nhà, phần còn lại cột thành bó treo trước cửa nhà để trừ tà, răn rết (tích Thanh xà Bạch xà)... Người Hẹ cột chung với bó lá thơm là cây nhang mật cửa trị tà trên có hình bát quái treo ở cửa trước và cửa sau ngôi nhà. Sáng sớm người Hoa chưng bông hoa, trái cây và thắp nhang trên bàn thờ.

Tết Đoan ngọ cũng là dịp tưởng nhớ ngày mất nhà thơ Khuất Nguyên, vì vậy người Hoa thường có tục lệ cúng bánh trôi nước, cúng xong đổ xuống sông. Từ năm 1975 đến nay, sau khi cúng xong, tất cả lễ vật bánh trái như bánh cấp, bánh bao chỉ, bánh dính bần (bánh lá mơ phơi khô giã nhỏ trộn

bột + đường hấp chín) được đem ra ăn uống trong gia đình. Người Hẹ có tục lệ đứng 12 giờ trưa mừng 5 tháng Năm đứng ngửa mặt lên trời, nam giới chớp mắt 7 lần, nữ giới chớp mắt 9 lần để tránh không bị nhắm mắt (đau mắt).

5. Tết Trung nguyên

Vào dịp tết Trung nguyên, người Hoa tổ chức lễ cầu siêu cho người thân mới mất trong ba năm tại nghĩa từ, đồng thời cúng cầu siêu cho những cô hồn lang thang vất vưởng chưa được siêu thoát. Trong phạm vi gia đình, người Hoa còn lập bàn thờ cúng cô hồn ở trước nhà với lễ vật là gạo, muối, bánh kẹo, trái cây, giấy vàng bạc. Cúng xong, những lễ vật này được đem cho trẻ nhỏ hoặc những người ăn xin. Trước đây, người Hoa còn có tục rải tiền các, tiền vàng bạc, gạo, muối trước nhà để cúng cô hồn.

6. Tết Trung thu

Buổi tối, người Hoa chuẩn bị lễ vật làm lễ cúng trăng với các món như: bánh trung thu, trái cây, trà tàu ngon. Mâm cúng của người Hẹ là 1 đĩa bánh (bánh trung thu, bánh dẻo, bánh thập cẩm, bánh môn), một trái bưởi gọt vỏ xẻ từng múi, 1 đĩa củ đậu phộng luộc, 1 lồng đèn... Trung thu là tết của trẻ em với các tục làm đèn, rước đèn, múa lân... Những đội lân tiêu biểu như: Thạch Sơn Liên Thăng đường, Tân Khánh đường và Đại Khánh đường. Vào dịp tết Trung thu,

người Hoa bang Hẹ tổ chức tỉ thí võ thuật và trò chơi chạy bàn (xoay bàn) cho các thanh niên ở trong bang.

7. Tết Đông chí

Tết Đông chí tổ chức vào khoảng thời gian giữa tháng 12 Âm lịch. Đây cũng là ngày được mùa, thu hoạch đã xong. Người Hẹ làm bánh củ cải nhân tôm khô, thịt bọc bột nếp bỏ vô nước gà luộc ăn chấm nước tương hoặc ăn chung với nước luộc gà như món mặn. Thịt gà trống hiến để cúng và chế biến món ăn. Mâm cúng đặt trước sân nhà để cúng trời đất, lễ vật gồm có: trái cây, nhang, đèn, con gà luộc. Mâm cúng được đem cúng lần lượt các bàn thờ thần linh từ ngoài sân vào trong nhà. Bàn thờ ông bà Tổ tiên cúng sau cùng, lúc này con gà luộc được chặt nhỏ từng miếng sắp lên đĩa cúng.

Lễ tết trong năm của người Hoa bang Hẹ ở Biên Hòa theo truyền thống Trung Hoa. Tuy nhiên, khi định cư trên đất Đồng Nai, người Hoa lại có những tục lệ hết sức tiêu biểu, độc đáo thể hiện tinh thần sống hòa nhập với cộng đồng xã hội nhưng vẫn giữ gìn được bản sắc dân tộc.

* * *

CHƯƠNG II

NGHỀ THỦ CÔNG CỦA NGƯỜI Hẹ

Người Hẹ cũng như các nhóm Hoa khác đều có những nghề nghiệp rất tiêu biểu. Người Hẹ mở tiệm thuốc Bắc và đặc biệt là làm đá mỹ nghệ, đá dân dụng... tạo nên đặc trưng cho cộng đồng này.

I. NGHỀ ĐIÊU KHẮC ĐÁ XANH

Nghề điêu khắc đá xanh ở Bửu Long là nghề thủ công truyền thống của bà con người Hoa bang Hẹ có mặt ở Biên Hòa khoảng hơn ba thế kỷ qua, tập trung ở phường Bửu Long nơi có cụm núi đá Bửu Long bên cạnh dòng Phước Long giang (sông Đồng Nai).

Nghề điêu khắc đá xanh được xem là nghề thủ công mỹ nghệ, vì sản phẩm đá xanh đã được thợ đá chạm khắc đường nét họa tiết để đá trở thành một tác phẩm nghệ thuật. Đa số thợ đá Bửu Long là người Hoa thuộc bang Hẹ đến Biên Hòa theo Trần Thượng Xuyên từ trên ba thế kỷ trước đây. Họ lập nghề ở khu vực núi đá Bửu Long, nay thuộc phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa. Cảnh quan sơn thủy hữu tình của khu du lịch Bửu Long hiện nay là do quá trình khai thác

nguyên liệu đá để điêu khắc của thợ đá, đã tạo nên vẻ đẹp độc đáo không kém gì vịnh Hạ Long thu nhỏ.

Nghề làm đá điêu khắc gồm hai khâu chế tác thủ công là: làm đá sống (khai thác đá) và làm đá chín (điêu khắc mỹ thuật). Thành phần chủ yếu của đá xanh Bửu Long là Andezit và một ít đá Diabag. Người ta dùng những công cụ thô sơ như: búa, đục, nê, ghè, dây xích, ròng rọc... để khai thác, rồi đem về chế tác, đục đẽo, gia công mỹ thuật.

Những sản phẩm của đá điêu khắc rất đa dạng, phong phú từ đồ gia dụng như: cối giã gạo, cối xay bột, ly, bàn, ghế; đến vật liệu trong xây dựng như: đá tảng kê chân cột, ngạch cửa, bậc tam cấp, đá lót đường, vách tường, bia mộ, bậc tam cấp; đồ thờ cúng trong các cơ sở tín ngưỡng như: bàn thờ, đèn đá, lư hương, chân đèn cho tới những sản phẩm mỹ thuật như các loại tượng: Phật bà, Thích Ca, Di Lặc, phù điêu vũ nữ Chăm-pa, sư tử, kỳ lân, tượng kỳ lân, tượng Phật, các phù điêu trang trí... Đáng kể các sản phẩm đá mỹ thuật được tham gia vào các công trình tín ngưỡng, tôn giáo như: chùa Ông, miếu Tổ Sư (Thiên Hậu cổ miếu), lăng mộ tộc Võ Hà, những khu lăng mộ tộc họ người Hoa... đều cho thấy nghệ thuật điêu khắc mỹ thuật đá Bửu Long đã đạt tới trình độ cao rất sắc sảo. Những mảng phù điêu bốn mùa, những họa tiết hoa văn dưới chân cột ở chùa Ông, Thiên Hậu cổ miếu đều không khỏi làm ta tán phục.

Nghề điêu khắc đá xanh của thợ đá người Hoa, sau đó đã được nhiều người Việt học hỏi và làm nghề, đặc biệt ứng dụng trong lựa chọn nguyên liệu làm mộ và điêu khắc xung quanh mộ chí.

Một trong những công trình điêu khắc đá nổi tiếng của thợ đá Bửu Long còn đến nay ở Biên Hòa là các khu mộ bằng đá của người Hoa và người Việt. Khu mộ người Hoa của các bang Hẹ, Quảng Đông, Phước Kiến, Triều Châu ở các phường Bửu Long, Bửu Hòa và xã Hóa An đều mang dấu ấn của sản phẩm đá điêu khắc Bửu Long.

Ngoài ra, sản phẩm đá điêu khắc của người Hẹ Biên Hòa còn được trang trí trên khu mộ họ Võ Hà của người Việt ở phường Bửu Long (phía sau Trung tâm Văn miếu Trấn Biên). Khu nghĩa trang này do hậu duệ là ông Võ Hà Thanh (1876-1947) từng giữ chức vụ Đốc phủ sứ Nam kỳ lúc sinh thời đứng ra gìn giữ, tạo tác. Khu nghĩa trang này là nơi an nghỉ của 6 thế hệ thân thuộc liên tiếp trong tộc họ Võ Hà (trước đây trên cổng ghi tên Nghĩa trang họ Võ). Ngôi mộ lâu nhất là phần mộ của “Y lâm Xử sĩ Mẫn Huệ tiên sinh” lập năm 1829 là cụ Cố (Tăng tổ) của ông Võ Hà Thanh.

Đa phần những ngôi mộ lập trong khu nghĩa trang họ Võ xưa kia đều được tạo tác bằng đá xanh Bửu Long với quy cách kiến trúc của mộ người Việt (có địa vị hoặc khá giả) với

diện tích tương đối lớn gồm những hạng mục như: bình phong, uynh thành, biển ngạch và bình môn, liễn đối, mộ, bia mộ, mộ bi văn (trong đó có các bài “minh” và bài “chí”) bằng chữ Hán.

Ngoài ra, các phần mộ còn được trang trí các mảng phù điêu chạm khắc đá xanh Bửu Long rất sắc sảo với những đề tài mỹ thuật dân gian rất độc đáo. Những tác phẩm thấy trên khu mộ Võ Hà như: bình bông, dây lá cúc cách điệu, hoa diêu, linh vật, rồng, lân, trái cây...

Để có được một tác phẩm đá nghệ thuật, người thợ điêu khắc phải trải qua một quá trình lao động nghệ thuật thật nghiêm túc, trước tiên là tạo khối cơ bản, sau đó dùng đục để tạo đường nét, dùng đục và búa để ghè dẽo chạm khắc thô, rồi cuối cùng là làm nhẵn. Khâu chạm khắc đòi hỏi sự công phu, khéo léo, tỉ mỉ vừa mang tính kỹ thuật vừa đảm bảo nét mỹ thuật trên sản phẩm. Một sản phẩm điêu khắc đẹp là đã đạt tới độ tinh túy cao của nghệ nhân điêu khắc đá. Những sản phẩm mỹ thuật làm ra là một tác phẩm nghệ thuật biểu đạt được cả tính chất, tình cảm, ý nghĩa của đối tượng muốn thể hiện.

Nghề đá Bửu Long được duy trì theo tính chất cha truyền con nối. Hơn ba thế kỷ trôi qua, nhiều thế hệ điêu khắc đá đã nối tiếp nhau kế tục sự nghiệp. Hoạt động của

làng đá Bửu Long trước đây theo quy chế phường hội dưới sự quản lý chặt chẽ của ban đại diện do hội đồng bầu ra. Miếu Tổ Sư là nơi để hội họp và xử lý những ai vi phạm quy chế làng nghề. Ngày nay thợ đá Bửu Long phát triển theo hướng tự do.

Tín ngưỡng của thợ đá Bửu Long thờ Tam vị Tổ nghề (Ngũ Đăng Tiên sư, Lỗ Ban Tiên sư, Uất Trì Tiên sư) ở miếu Tổ Sư dưới chân núi Bửu Long và trong nghề cũng có những kiêng kỵ hết sức tiêu biểu. Ngoài Tổ nghề, hai bên Chánh điện thờ Thiên Hậu Thánh mẫu và Quan Thánh Đế quân là những vị thần tiêu biểu trong tín ngưỡng dân gian người Hoa. Vì tín ngưỡng thờ Thiên Hậu rất phổ biến nên dân bà con quen gọi miếu Tổ Sư là chùa Bà Thiên Hậu hay Thiên Hậu cổ miếu (như trên cổng miếu hiện nay) nhằm thu hút nhiều người đến cúng viếng (chứ không giới hạn trong giới thợ đá), đây chính là sự kết hợp tín ngưỡng thờ phúc thần (nữ thần) và Tổ nghề trong tâm thức người Hoa. Miếu Tổ Sư cũng là một công trình điêu khắc kiến trúc đá nghệ thuật của lớp thợ đá Bửu Long tài hoa trước kia. Hàng năm thợ đá cúng Tổ vào ngày 13/6 Âm lịch, đáo lệ ba năm tổ chức cúng lớn trong ba ngày từ 10/6 đến 13/6 Âm lịch, diễn ra với nhiều hình thức lễ và hội rất phong phú, độc đáo.

Sản phẩm điêu khắc đá Bửu Long được đem đi tiêu thụ khắp nơi và nổi tiếng trong vùng. Những cơ sở điêu khắc đá

tiêu biểu ở Bửu Long nổi tiếng một thời như: Thanh Tiên, Tân Phát Hưng, Đặng Hữu Lợi, Nghĩa Hưng... lúc cao điểm giải quyết cho hàng trăm lao động ở địa phương. Đến nay, nghề điêu khắc đá đang thu hẹp dần và sản phẩm được thợ đá chế tác theo đơn đặt hàng của những hợp đồng.

Nghề chạm khắc đá ở Biên Hòa một thời đã đáp ứng được cho những nhu cầu của cuộc sống từ xây dựng đến trang trí, từ công trình xây dựng tín ngưỡng tôn giáo, nhà ở dân gian và thậm chí cả đến mộ táng cho người đã qua đời... Sản phẩm đá ong và đá xanh đều mang những giá trị rất riêng, đặc thù trong điêu khắc, chất liệu đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng. Sản phẩm chạm khắc đá Biên Hòa đã đóng góp thêm vào danh mục những làng nghề thủ công truyền thống của người Đồng Nai.

II. NGHỀ LÀM THUỐC BẮC

Ngoài nghề đá, người Hẹ còn có nghề chế biến thuốc Bắc gia truyền. Truyền thống của người Hoa bang Hẹ - Sùng Chính là nghề làm thuốc Bắc và trị bệnh theo Đông y. Những hiệu thuốc Bắc nổi tiếng của người Hẹ ở Biên Hòa trước đây như: Vạn An đường, Đồng Tế đường, Đồng Đức đường, Chí Sanh đường... Thiên Hậu cung trước có phòng khám bệnh Đông y trị bệnh theo phương pháp cổ truyền bắt mạch kê toa; đặc biệt tại đây còn lưu giữ 100 thẻ xăm thuốc

và lời giải xăm để trị bệnh bằng thuốc và niềm tin vào tín ngưỡng thần linh.

Dưới đây là nội dung của 100 cây xăm thuốc ở Thiên Hậu cung, liên quan đến nghề thuốc của người Hẹ - Sùng Chính Biên Hòa mà tác giả đã may mắn sưu tầm được bản chữ Hán từ ông Trương Nguyên (Ban Trị sự Thiên Hậu cung) và được Lương y Phùng Công Vỹ, pháp sư miếu Quan Âm - Tân Phong (người Hoa Quảng Ninh) giúp đỡ tra cứu dịch nghĩa¹.

Những nội dung đánh dấu “sao” (*) là do chữ Hán viết không rõ nét nên người dịch không chắc chắn về nghĩa đã dịch. Nội dung 100 bài thuốc dân gian cụ thể như sau:

- Lá xăm số 1: Báo cho anh biết: phúc, thọ, lâu bền, thịnh vượng, không cần dùng thuốc thì được tốt.

- Lá xăm số 2: Anh nên vui vẻ, thành tâm cảm thông được thần minh, chỉ có việc là trả lễ trước đây đã xin thì bệnh thuyên giảm, sao hỏa biến mất, không cần dùng thuốc thì được tốt.

¹ Xin cảm ơn ông Trương Nguyên (Ban Trị sự Thiên Hậu Cung) đã cung cấp bản dịch chữ Hán. Bản chữ Hán viết lại bằng tay, do vậy có một vài chữ theo người dịch là chưa chính xác, nên người dịch không thể tra cứu và dịch đúng. Tác giả xin gửi lời cảm ơn đến Lương y Phùng Công Vỹ đã giúp đỡ dịch nghĩa 100 bài thuốc Bắc này.

- Lá xăm số 3: Dùng nửa phần nước nóng, nửa phần nước lạnh (âm dương thủy) cộng lại thành một chén, cam thảo gần 2gr sắc uống.
- Lá xăm số 4: Trần bì 12gr.
- Lá xăm số 5: Hoài sơn 12gr, bách bộ 8gr.
- Lá xăm số 6: Tùy lòng mà tối, thành tâm dâng lên nhang thơm nén tốt, ngày mai lại đến, xin phạt hai nén nhang.
- Lá xăm số 7: Trắc bá diệp 20gr.
- Lá xăm số 8: Quảng mộc hương 12gr.
- Lá xăm số 9: Đạm trúc diệp 12gr.
- Lá xăm số 10: Xa tiền tử 12gr.
- Lá xăm số 11: Tô diệp 8 gr, kim ngân hoa 8gr.
- Lá xăm số 12: Bào khương (gừng nướng) 12gr.
- Lá xăm số 13: Hoa tươi sống 1 bó (dùng để cúng), xuyên bối mẫu 8gr sắc uống.
- Lá xăm số 14: Phục thần 12gr.
- Lá xăm số 15: Cẩn thận, xin lần nữa không có thuốc.
- Lá xăm số 16: Lấy một ít gạo cũ vo sạch nấu lên ăn.

- Lá xăm số 17: Người đến không thật lòng, tâm nên thanh tịnh quay về, ngày mai lại tới, phạt 6 đồng tiền nhang đèn.

- Lá xăm số 18: Bạch quả 20gr, đại táo 3 trái.

- Lá xăm số 19: Bảy nén nhang Quan Âm (thắp tại bàn thờ Quan Âm).

- Lá xăm số 20: Bạc hà diệp 4gr.

- Lá xăm số 21: Kinh giới 8gr, lão trà (lá trà để lâu) 8gr.

- Lá xăm số 22: Đào diệp 7 lá, ô mai 1 trái.

- Lá xăm số 23: Sữa người 1 chén, gạo (để lâu) 1 nắm.

- Lá xăm số 24: Con trai dùng thắt lưng nữ, con gái dùng thắt lưng nam, buộc lại.

- Lá xăm số 25: Lá, hoa cây đoan dương 4gr, rượu tốt 1 chén sắc uống.*

- Lá xăm số 26: Hạnh nhân 8gr.

- Lá xăm số 27: Cốc tinh 12 gr, quyết minh tử 12gr.

- Lá xăm số 28: Hành sống 3 cọng cả rễ.

- Lá xăm số 29: Toàn yết (con bọ cạp) 3 con (bỏ đầu với chân).

- Lá xăm số 30: Ngộ tiết thảo 20gr.*

- Lá xăm số 31: Hà diệp 12gr, xuyên khung 12gr.
- Lá xăm số 32: Không dùng thuốc, dâng lên 2 đồng tiền nhang đèn.
- Lá xăm số 33: Mật mông hoa 20gr.
- Lá xăm số 34: Bối mẫu 8gr.
- Lá xăm số 35: Cây đòn gánh 12gr.
- Lá xăm số 36: Hồ đào nhục 12gr.
- Lá xăm số 37: Dâng lên 2 đồng tiền nhang đèn, xin xăm lại.
- Lá xăm số 38: Bạch cúc hoa 10 bông, lão trà 8gr.
- Lá xăm số 39: Khổ đinh trà 12gr.
- Lá xăm số 40: Ngộ tiết 12gr, đậu xanh 8gr.*
- Lá xăm số 41: Dương quy 8gr.
- Lá xăm số 42: Xa trục mộc (trục xe ngựa) 8gr.*
- Lá xăm số 43: Tổ lao đường, thốn đầu (?) một ít.*
- Lá xăm số 44: Đậu xanh 8gr, hạnh nhân 8gr.
- Lá xăm số 45: Cuống lá tía tô 4gr.
- Lá xăm số 46: Hoàng cầm 4gr, thanh bì 4gr, phục linh 4gr.

- Lá xăm số 47: Bạch cúc hoa 12gr, đồng tiền (nước tiểu trẻ em) 1 chén hòa uống.

- Lá xăm số 48: Không dùng thuốc, dùng hai tay ôm đầu gối vái 49 lần, uống thường xuyên trà ô long tự khỏi.

- Lá xăm số 49: Mộc thông 12gr, đẳng tăng 2gr.

- Lá xăm số 50: Trần bì (vỏ quýt) 12gr, chỉ xác (vị thuốc) 12gr, bán hạ 12gr.

- Lá xăm số 51: Tạo giác (bồ kết) nhiều ít tùy bệnh, nấu nước rửa.

- Lá xăm số 52: Tử kim đỉnh 1 cây, uống (bôi).*

- Lá xăm số 53: Tóc trẻ con đốt thành than, ninh thần hoàn, dùng rượu tốt uống.

- Lá xăm số 54: Dùng hai tay ôm lấy vai xuống đến dưới gối, vận động cơ thể, dâng lên 2 đồng tiền nhang đèn.

- Lá xăm số 55: Toàn phúc hoa 8gr.

- Lá xăm số 56: Đạm trúc điệp 12gr.

- Lá xăm số 57: Tro lư hương 4gr, dương quy thân 4gr, 15 cái chung, đứng yên, cảm tạ thần linh.

- Lá xăm số 58: Không dùng thuốc, ngày mai xin lại thuốc uống.

- Lá xăm số 59: Chính vân liên 3gr, trả hết lễ xin trước đây.*
- Lá xăm số 60: Bông tươi sống 4gr, xuyên bối mẫu 4gr.*
- Lá xăm số 61: Hương phụ (hạt) 8gr.
- Lá xăm số 62: Bụi cát trên cột nhà 4gr, rượu tốt sắc chung.
- Lá xăm số 63: Mầm la bạc (mầm cây cà rốt) 8gr, trần bì 8gr.
- Lá xăm số 64: Bách bộ 40gr, hạnh nhân 4gr.
- Lá xăm số 65: Bách bộ 40gr nấu nước rửa vào chỗ bị bệnh.
- Lá xăm số 66: Quế chi (hướng đông) 8gr.
- Lá xăm số 67: Huyền hồ 8gr, dấm (lâu ngày) 1 chén.
- Lá xăm số 68: Bá tử nhân 8gr (bỏ dầu).
- Lá xăm số 69: Đương quy phiến 8gr, trùng tiết 8gr.*
- Lá xăm số 70: Khăn của con gái chưa chồng (khuê nữ) 1 tấm rửa sạch, sau đó dùng rửa chỗ bị bệnh. (Theo người dịch: Bởi vì ngày xưa con gái chưa chồng nề nếp lắm. Con gái thuộc về âm thuần nhất, chắc chắn bệnh này thuộc về dương).

- Lá xăm số 71: Hạnh nhân 8gr.
- Lá xăm số 72: Nam tinh 8gr.
- Lá xăm số 73: Xuyên khung 4gr.
- Lá xăm số 74: Đường cát 4gr, kim anh tử 4gr.
- Lá xăm số 75: Mộc nhĩ 20gr.
- Lá xăm số 76: Sa sâm 8gr.
- Lá xăm số 77: Phổi heo 1 cái, lõi bạch thái một ít nấu ăn.
- Lá xăm số 78: Sài hồ bắc 8gr.
- Lá xăm số 79: Thị sương (bánh làm từ trái hồng) 4gr, xuyên khung 4gr.
- Lá xăm số 80: Qua lâu bì 4gr, hạnh nhân 4gr.
- Lá xăm số 81: Lão trà 1 chén, nước 1 chén. *
- Lá xăm số 82: ...Chi tử 8gr, bào khương 8gr.*
- Lá xăm số 83: Hạt ngô đồng 40gr đốt thành than, hòa nước ấm uống.
- Lá xăm số 84: Mộc tặc 4gr, dạ minh sa (phân con dơi chữa sáng mắt) 8gr.
- Lá xăm số 85: Hợp hoan bì (chữa chứng buồn bã, bực bội, mất ngủ) 8gr, mẫu đơn bì 8gr.*
- Lá xăm số 86: Bạch cúc hoa 8gr, khiếm thực 8gr.*